

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2019
“V/v Tranh chấp
hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐG TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luân.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Hải Lâm;
- Bà Y Hồng Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị H -Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐG, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Y N; năm sinh: 1992; Địa chỉ: Thôn Đăk R, thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum; có mặt.

Bị đơn: Anh A H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Làng M, xã Mường H huyện Đ G, tỉnh Kon Tum; vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác;

Bà Y N; Thành viên Ban điều hành Bảo vệ, chăm sóc trẻ em huyện Đ G tỉnh Kon Tum; chức vụ, đơn vị công tác: Phó phòng LĐ-TBXH huyện Đ G tỉnh Kon Tum; địa chỉ: Phòng LĐ-TBXH huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum; tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho cháu A Trung H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Y N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 chị và anh A H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, ngày 08/4/2013 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐG, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum; sau khi cưới vợ chồng về sống bên gia đình chị Y N; quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh A H do thường xuyên ăn nhậu say sỉn, bỏ bê nhiệm vụ và bị cơ quan Công an huyện Đ G cho nghỉ việc; anh về bên gia đình anh tại xã Mường H sinh sống và từ đó vợ chồng ngày càng xa nhau, từ tháng 3 năm 2018 đến nay chị và anh A H đã sống ly thân không còn qua lại với nhau nữa. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị xin được ly hôn với anh A H.

- Về con chung: Có 01 cháu tên A Trung H, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2013 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A Trung H từ khi các được sự ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được; chị không yêu cầu anh A Hiêm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh A H được quyền thăm nom cháu A Trung H, không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung của anh A H; việc thăm nom con chung của anh A H không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của chị và cháu H.

- Về quan hệ tài sản:

+ Tài sản riêng: Các đương sự không có tiền, sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Tiền, tài sản cho nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Tiền, tài sản nợ chung: Các đương sự không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Bị đơn; anh A H tại bản tự khai trình bày ý kiến:* Vào ngày 08/4/2013 anh có kết hôn với chị Y N, anh còn rất yêu thương chị Y N và không muốn cháu A Trung H phải sống thiếu cha hoặc mẹ; nên anh không đồng ý ly hôn với chị Y N.

- Về con chung; nếu phải ly hôn thì anh đồng ý như ý kiến của chị Y N. Chị Y N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A Trung H từ ngày có bản án, quyết định cho anh, chị ly hôn cho đến khi cháu A Trung H đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Anh H đồng ý không đóng góp tiền phí tổn nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Anh A H thống nhất như ý kiến nêu trên của chị Y N. -

Ý kiến của người tham gia tố tụng khác; Bà Y N trình bày: Anh A H và chị Y N tìm hiểu yêu nhau tiến tới hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện không bên nào bị lừa dối, cưỡng ép; anh chị tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2013 tại UBND thị trấn Đ G, huyện Đ G, tỉnh Kon Tum. Sau khi cưới vợ chồng về bên gia đình chị Y N sinh sống; quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do anh A H thường xuyên ăn nhậu say sỉn, bỏ bê nhiệm vụ và bị cơ quan Công an huyện Đ G cho nghỉ việc; anh về bên gia đình anh tại xã Mường H sinh sống hiện nay anh A H không có việc làm và thu nhập; từ tháng 3 năm 2018

đến nay chị Nga và anh A H đã sống ly thân và trong thời gian này anh A H không hỏi thăm, cho tiền để chị Y N nuôi cháu A Trung H. Anh A H cho là anh còn rất yêu chị Y N, thương con và không muốn sống xa con (cháu H) nhưng anh lại không có hành động cụ thể nào chứng minh cho tình yêu, thương của mình. Để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em đại diện ban điều hành Bảo vệ, chăm sóc trẻ em huyện Đ G tỉnh Kon Tum có ý kiến là: Nên cho chị Y N được ly hôn anh A H; chị Y N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, dạy dỗ cháu A Trung H thì quyền lợi của cháu H được bảo đảm nhiều hơn.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ G:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y N đối với anh A H; con chung giao cho chị Y N nuôi, không buộc anh A H cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Y N; về quan hệ tài sản, giữa các đương sự: Chị Y N và anh A H không tài sản chung, không có các khoản nợ chung không có yêu cầu nên không cần xem xét; chị Y N phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh A H vắng mặt, Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nguyên nhân làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được: Chị Y N và anh A H kết hôn hợp pháp, sau kết hôn anh, chị sống tại gia đình chị Y N; mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc anh A H không dùng lương của mình để chăm lo cho gia đình mà anh ăn nhậu hết tiền lương hàng tháng; tình trạng hôn nhân trầm trọng hơn từ khi anh A H do ăn nhậu bỏ bê nhiệm được cơ quan nhắc nhở nhiều lần nhưng anh không thay đổi và bị cơ quan Công an huyện Đ G cho nghỉ việc. Từ tháng 3 năm 2018 đến nay anh A H về nhà mẹ đẻ tại xã Mường H sinh sống; từ đó anh, chị ly thân không còn qua lại với nhau nữa. Theo chị Y N, chị không thể chung sống với anh A H được nữa; nay chị xin được ly hôn với anh A H. Còn đối với anh A H đã

được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện cho thấy anh A H không có biểu hiện, động thái tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn quan hệ hôn nhân đang bị rạn nứt; đồng thời xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Y N với anh A H không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của những người tham gia tố tụng khác là phù hợp; Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56; 84; 116 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y N đối với anh A H.

[3] Về con chung: Các đương sự có 01 cháu tên A Trung H, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2013 đang sống với chị Y N; sống cùng mẹ ngoài việc được chị Y N yêu thương chăm sóc thì cháu H còn được ông bà ngoại chăm sóc từ khi mới sinh ra đến bây giờ, tình cảm giữa cháu A Trung H với ông bà ngoại là rất tốt. Chị Y N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A Trung H và không yêu cầu anh A H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung vì anh H lo cho bản thân anh còn khó; xét thấy yêu cầu của chị Y N, là hợp lý cần được chấp. Anh A H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; việc thăm nom con chung của anh A H không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của chị Y N và cháu A Trung H. Vì quyền lợi của cháu A Trung H các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản:

- Tài sản riêng: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; - Tiền, tài sản cho nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Tiền, tài sản nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Y N phải nộp tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được dùng tiền tạm ứng án phí đã nộp để nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y N đối với anh A H; chị Y N được ly hôn với anh A H.

2. Về con chung: Các đương sự có 01 cháu tên A Trung H, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2013; giao cho chị Y N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ ngày bản án cho chị Y N và anh A H ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A Trung H đủ 18 tuổi và sống tự lập được. A H không phải đóng góp tiền phí tổn nuôi con chung. Anh A H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con và đảm bảo không làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của chị Y N và cháu A Trung H; không ai được cản trở quyền thăm nuôi con chung của anh A H. Vì quyền lợi của cháu A Trung H các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Án phí: Buộc chị Y N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung công quỹ Nhà Nước. Chị Y N được dùng số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0004602 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum để nộp tiền án phí.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 31-10-2018) các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đ G;
- UBND xã (Phường) nơi cư trú của đương sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luân

